

Bản án số: **35/2020/HS-ST**
Ngày 01/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Liêm, ông Bùi Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê M**, sinh ngày: 19 tháng 10 năm 1984, tại Phú Ninh, Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê M (Chết) và bà Lương Thị X; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và có hai con; con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Văn S, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người làm chứng: Hồ Đắc T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 10/7/2020, Lê M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exiter BKS: 92H1- 127.73 (xe này do Mận thuê của anh Võ Văn M,

sinh năm 1990, trú thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam) từ nhà mình đến nhà anh Nguyễn Văn S để uống rượu cùng với anh Nguyễn Văn S và anh Hồ Đắc T. Đến khoảng 11 giờ 00 cùng ngày thì anh Hồ Đắc T có ý mượn mấy trăm ngàn đồng của anh Nguyễn Văn S để tiêu xài, anh S đồng ý và lấy chiếc ví trong túi quần lưng đang mặc, lấy ra một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn) được cột bằng dây su. Anh S rút đưa cho anh Thu 01 tờ 500.000 đồng (năm trăm ngàn), sau đó anh S bỏ cọc tiền vào ví và bỏ ví vào túi quần lưng như ban đầu. M, anh S và anh T ngồi nhậu thêm một lúc thì anh S nói mệt nên đi nghỉ trước và anh S đi lại chiếc võng xếp bên cạnh nằm ngủ. Thấy vậy, M nói với anh T “*chủ nhà đi ngủ rồi anh em mình uống chi nữa*” nên M cùng anh T dọn dẹp đồ xuống bếp. Dọn dẹp xong, M ra ngoài hiên ngồi đợi anh T lên để cùng về. Trong lúc đợi anh T, M đứng lên đi vào nhà hướng về phía anh S đang nằm ngủ, Mận thấy quần lưng của anh S mặc lúc nhậu để ở dưới đất cạnh võng xếp và thấy chiếc ví đựng tiền của anh S nằm nửa trong nửa ngoài của túi quần lưng. M đi đến dùng tay phải cầm chiếc ví lên, mở ra thấy một cọc tiền loại mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn) bỏ trong ngăn ví, M lấy cọc tiền này rồi bỏ chiếc ví vào lại túi quần lưng của anh Sơn như vị trí cũ. Lấy được tiền của anh S xong, M gọi anh T lên để cùng về nhưng anh T không trả lời nên M điều khiển xe đi về trước. Về đến nhà, M kiểm tra tổng số tiền trộm cắp được là 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm ngàn). M lấy số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu) cất vào khe giữa cửa mái tôn và cây đà trên nhà bếp của M, còn 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn) M mang đi Tam Kỳ tiêu xài hết. Đến sáng ngày 15/7/2020, M thấy việc mình trộm cắp tiền của anh Nguyễn Văn S là sai nên M mang số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu) M đã cất giấu đến nhà chị Lê Thị N (chị ruột của M) nhờ chị N trả lại cho anh S. Sau đó M đến Công an xã T làm việc và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng:

- Đối với tiền Việt Nam 10.000.000 đồng, 01 quần lưng Kaki hiệu Guess, 01 ví da màu đen có dòng chữ “Christian Pior” là tài sản của anh Nguyễn Văn S nên Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã trả lại cho anh Nguyễn Văn S.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exiter có BKS 92H1-12773 có chủ sở hữu là anh Võ Văn M, Lê M thuê để làm phương tiện đi lại. Đây không phải là phương tiện được M sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Ninh đã trả lại cho anh Võ Văn M.

Về phần dân sự: Anh Nguyễn Văn S yêu cầu Lê M bồi thường đủ số tiền 24.500.000 đồng mà S báo mất.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKSPN ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Lê M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê M từ 09 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 - 24 tháng tính từ ngày tuyên án 01/12/2020.

Về vật chứng: Không có

Về dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại Nguyễn Văn S không có yêu cầu gì thêm nên không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Ngày 10/7/2020, bị cáo Lê M, anh Hồ Đắc T và anh Nguyễn Văn S cùng uống rượu tại nhà anh S tại thôn N, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Đến khoảng 11 giờ 00 phút, sau khi uống rượu xong, lợi dụng lúc anh S ngủ say, M đã lén lút trộm cắp trong ví để trong túi quần lưng của anh S số tiền 16.500.000 đồng (*mười sáu triệu năm trăm ngàn*). Sau khi trộm cắp bị cáo M đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 6.500.000 (*sáu triệu năm trăm ngàn*) đồng, số tiền còn lại 10.000.000 (*mười triệu*) đồng đến ngày 15/7/2020, M nhờ chị Lê Thị N là chị ruột của M đem trả lại cho anh S và M đến Công an xã T làm việc, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố. Đồng thời phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo M có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị 16.500.000 (*mười sáu triệu năm trăm ngàn*) đồng của anh Nguyễn Văn S. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nh cáo trạng truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Bị cáo Lê M có đủ khả năng nhận thức hành vi xâm phạm tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài bị cáo bất chấp pháp luật và đạo đức xã hội thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm

quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

[6] Xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, xét thấy áp dụng cho bị cáo mức án thấp của khung hình phạt là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Lê M có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[7] Về dân sự: Bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường xong, bị hại Nguyễn Văn S không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Các vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê M 09 (*Chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án (01/12/2020).

Giao bị cáo Lê M cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê M phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 01/12/2020) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Công an huyện Phú Ninh;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Phú Ninh;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn, thi hành án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

